TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/LĐ-PT
Ngày: 15/9/2022
V/v: Tranh chấp về chấm dứt hợp đồng lao đồng và bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà
Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng
Ông Ngô Chịu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Ninh Thị Huyền, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 01/2019/TLPT-LĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về "*Tranh chấp về chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động*".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/LĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ngô Thị T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Phú N, xã Hòa B1, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Lạc N, xã Hòa B1, huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Tạ Thị Y, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Mỹ Thạnh Đ, xã Hòa P, huyện T, tỉnh Phú Yên.

4. Cao Thị K, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn Xuân T2, xã Hòa Tân T, huyện T, tỉnh Phú Yên.

5. Trần Thị H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Phú M, xã Hòa Đ, huyện T, tỉnh Phú Yên.

6. Cao Thị Phương Tr, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn Phú N, xã Hòa B1, huyện T, tỉnh Phú Yên.

7. Lê Thị H1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Phước Bình B, xã Hòa T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

8. Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Phước M, xã Hòa B1, huyện T, tỉnh Phú Yên.

9. Huỳnh Đức Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố 3, Phường Phú L, Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

10. Phan Đắc T2, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Phước Thành Đ, xã Hòa P, huyện T, tỉnh Phú Yên.

11. Lương Văn C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Nông N, xã Hòa B1, huyện T, tỉnh Phú Yên.

12. Trần Tấn S, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn Phú Khánh, xã Hòa Tân Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- *Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Cao Thị Phương Tr, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Cao Thị K:* Ông Võ An Đ, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố Phước T, thị trấn Phú T, huyện T, tỉnh Phú Yên (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2017, ngày 09/01/2018, Thông báo ngày 21/10/2019).

Tất cả các nguyên đơn và ông Đ đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tất cả các nguyên đơn*: Ông Nguyễn Khả Th1, Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Khả Th1, Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tất cả các nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm*: Ông Nguyễn Tường L, Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Hồng H, Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa (theo Đăng ký bảo vệ ngày 21/10/2019). Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện T, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: Khu phố Phú T, thị trấn Phú T, huyện T, tỉnh Phú Yên. Người đại diện: Bà Trương Thị D, sinh năm 1968, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện T; Nơi cư trú: Thôn Xuân T1, xã Hòa Tân T, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Uỷ ban nhân dân huyện T; Địa chỉ: Khu phố Phú T, thị trấn Phú T, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có văn bản số 1553/UBND-VPHU,CQ ngày 09/9/2022 V/v vắng mặt.

Người kháng cáo: 12 nguyên đơn gồm: Cao Thị Phương Tr, Trần Thị H, Huỳnh Đức Th, Lê Thị H1, Lương Văn C, Phan Đắc T2, Ngô Thị T, Trần Tấn S, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Cao Thị K, Tạ Thị Y, Nguyễn Thị Ngọc O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn và các nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 05/9/2011 đến ngày 04/9/2017, Phòng giáo dục và đào tạo huyện T đã ký 4 lần hợp đồng lao động có xác định thời hạn đối với các nguyên đơn làm công việc giảng dạy:

Lần 1: Hợp đồng lao động ký ngày 05/9/2011, thời hạn 01 năm từ ngày 05/9/2011 đến 04/9/2012;

Lần 2: Hợp đồng làm việc xác định thời hạn (theo nhu cầu) ký ngày 22/01/2013, thời hạn 03 năm từ ngày 05/9/2012 đến 04/9/2015.

Lần 3: Hợp đồng lao động xác định thời hạn ký ngày 01/10/2015, thời hạn 01 năm từ ngày 05/9/2015 đến ngày 04/9/2016;

Lần 4: Hợp đồng lao động xác định thời hạn ký ngày 08/9/2016, thời hạn 01 năm từ ngày 05/9/2016 đến ngày 04/9/2017.

Ngày 15/8/2017, bị đơn thông báo thôi hợp đồng lao động từ ngày 05/9/2017. Trong các nguyên đơn có trường hợp Trần Thị H đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy bỏ Thông báo thôi hợp đồng lao động đối với các nguyên đơn ngày 15/8/2017; Nhận các nguyên đơn vào giảng dạy và chuyển sang ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo quy định khoản 2 Điều 22 Bộ luật lao động (BLLĐ).

Việc Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo ra Thông báo thôi hợp đồng lao động đã gây tổn thất tinh thần cho các nguyên đơn. Do đó, yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần bằng 05 tháng lương tối thiểu là 6.500.000 đồng (đối với bà Ngô Thị T yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần bằng 10 tháng lương tối thiểu 13.000.000 đồng, tiền điều trị sẩy thai tại bệnh viện Từ Dũ 20.000.000 đồng, tổng cộng là 33.000.000 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 155 BLLĐ).

Chi trả đầy đủ các khoản phụ cấp đứng lớp từ năm 2011 đến nay theo quy định. Nâng bậc lương theo định kỳ, trả tiền lương kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động đến ngày xét xử sơ thẩm; Cụ thể:

- Các nguyên đơn có trình độ đại học là Trần Thị H, Cao Thị Phương Tr, Lê Thị H1, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Huỳnh Đức Th, Phan Đắc T2, Lương Văn C, Trần Tấn S:

Phụ cấp đứng lớp: (1.390.000 đồng x 2,34 x 72 tháng) x 30% = 70.256.000 đồng/người;

Nâng lương: 1.390.000 đồng x 0,33 x 36 tháng = 16.510.000 đồng/người;

Trả tiền lương 20 tháng: 1.390.000 đồng x 2,34 x 20 tháng = 65.050.000 đồng/người;

Tổng cộng: 151.816.000 đồng/người

- Đối với Ngô Thị T, Nguyễn Thị Ngọc O:

Phụ cấp đứng lớp: (1.390.000 đồng x 2,10 x 72 tháng) x 30% = 63.050.000 đồng/người;

Nâng lương: 1.390.000 đồng x 0,33 x 36 tháng = 16.510.000 đồng/người;

Trả tiền lương 20 tháng: 1.390.000 đồng x 2,10 x 20 tháng = 58.380.000 đồng/người;

Tổng cộng: 137.940.000 đồng/người

- Đối với Tạ Thị Y, Cao Thị K là:

Phụ cấp đứng lớp: (1.390.000 đồng x 2,10 x 72 tháng) x 35% = 73.558.000 đồng/người;

Nâng lương: 1.390.000 đồng x 0,33 x 36 tháng = 16.510.000 đồng/người;

Trả lương 20 tháng: 1.390.000 đồng x 2,10 x 20 tháng = 58.380.000 đồng/người;

Tổng cộng: 148.448.000 đồng/người.

Luật sư Nguyễn Khả Th1 là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn trình bày thống nhất như người đại diện theo ủy quyền Võ An Đ đã trình bày.

Luật sư Nguyễn Tường L là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn Ngô Thị T, Trần Thị H, Tạ Thị Y, Cao Thị K, Cao Thị Phương Tr, Trần Tấn S, Huỳnh Đức Thành, Lê Thị H1 và Lương Văn C trình bày thống nhất như người đại diện theo ủy quyền Võ An Đ đã trình bày.

Bà Trương Thị D, đại diện bị đơn Phòng giáo dục và đào tạo huyện T trình bày:

Về căn cứ ký hợp đồng lao động:

Căn cứ danh sách trích ngang hợp đồng giáo viên được UNBD huyện T phê duyệt ngày 01/9/2011; Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện (Ban hành kèm theo Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 09/4/2008 của UBND huyện T). Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, ký hợp đồng lao động ngày 05/9/2011 với các nguyên đơn thời hạn 01 năm từ ngày 05/9/2011 đến 04/9/2012.

Căn cứ danh sách trích ngang hợp đồng làm việc xác định thời hạn (theo nhu cầu) được Chủ tịch UNBD huyện T phê duyệt ngày 22/01/2013; Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, ký hợp đồng làm việc xác định thời hạn (theo nhu cầu) ngày 22/01/2013 đối với các nguyên đơn thời hạn 03 năm từ ngày 05/9/2012 đến 04/9/2015.

Căn cứ danh sách trích ngang hợp đồng lao động xác định thời hạn (theo nhu cầu) được Chủ tịch UBND huyện T phê duyệt ngày 01/10/2015; Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND, ngày 08/7/2013 của UBND huyện T ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo ký hợp đồng lao động xác

định thời hạn ngày 01/10/2015 đối với các nguyên đơn thời hạn 01 năm từ ngày 05/9/2015 đến ngày 04/9/2016.

Căn cứ danh sách trích ngang hợp đồng làm việc xác định thời hạn được Chủ tịch UNBD huyện T phê duyệt ngày 07/9/2016; Căn cứ Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 31/7/2016 của UBND huyện T về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo ký hợp đồng lao động xác định thời hạn ngày 08/9/2016 đối với các nguyên đơn thời hạn 01 năm từ ngày 05/9/2016 đến ngày 04/9/2017.

Về căn cứ chấm dứt hợp đồng lao động:

Thực hiện thông báo số 228/TB-UBND ngày 18/7/2017 của UBND huyện về Kết luận của Chủ tịch UBND huyện T tại phiên họp thường kỳ tháng 7 năm 2017 về nội dung công tác tổ chức cán bộ, thống nhất phương án giải quyết hợp đồng lao động đối với giáo viên theo tờ trình số 50/TTr-NV ngày 12/7/2017 của Phòng Nội vụ huyện.

- Ngô Thị T, Nguyễn Thị Ngọc O, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Trần Tấn S: lý do chấm dứt hợp đồng là: dự thi viên chức giáo viên năm 2015 rớt, bộ môn có giáo viên trong biên chế thừa so với quy định.

- Trần Thị H, Lương Văn C, Phan Đắc T2, Huỳnh Đức Th, Lê Thị H1, Cao Thị Phương Tr: lý do chấm dứt hợp đồng là: không đủ điều kiện dự thi viên chức giáo viên năm 2015, bộ môn có giáo viên trong biên chế thừa so với quy định;

- Cao Thị K, Tạ Thị Y: lý do chấm dứt hợp đồng là: không đảm bảo yêu cầu tuyển dụng theo Quyết định số 18/2016/UBND tỉnh, có bằng cao đẳng chính quy nhưng chỉ xếp loại trung bình.

Đối với yêu cầu Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện T hủy bỏ Thông báo thôi hợp đồng lao động ngày 15/8/2017, bị đơn trình bày:

Trước khi ra thông báo thôi hợp đồng, Phòng Giáo dục và Đào tạo **t**hực hiện theo kết luận Thanh tra số 1007/KL-SNV ngày 24/12/2015 của Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo (cấp THCS và Tiểu học) giai đoạn từ năm 2010 đến tháng 9/2015. Công văn số 422/UBND-NV ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc giải quyết số hợp đồng lao động là giáo viên không trúng tuyển kỳ thi tuyển viên chức giáo viên năm 2015 của tỉnh. Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc thu hồi biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo từ UBND huyện T quản lý về UBND tỉnh quản lý; Công văn số 122/UBND-NV ngày 17/02/2017 của UBND huyện T về việc giải quyết số hợp đồng lao động.

Việc Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo ra thông báo không hợp đồng lao động lại là do trường lớp giảm, thừa biên chế, không còn vị trí việc làm, nên không chấp nhận hủy Thông báo thôi hợp đồng lao động.

Đối với yêu cầu nhận các nguyên đơn vào giảng dạy và chuyển sang ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, bị đơn trình bày:

Tính đến thời điểm ngày 01/8/2017, số lớp của cấp trung học cơ sở giảm 19 lớp so với năm 2011, môn mà các nguyên đơn giảng dạy thừa giáo viên trong biên chế, không còn nhu cầu vị trí việc làm để tiếp tục hợp đồng lao động. Năm 2011, Phòng Giáo dục và Đào tạo ký hợp đồng lao động đối với các nguyên đơn là theo nhu cầu trường, lớp thời điểm đó. Hiện nay trường, lớp giảm so với năm học 2011-2012. Nên bị đơn không chấp nhận ý kiến của các nguyên đơn.

Đối với yêu cầu Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện T bồi thường tiền tổn thất tinh thần bằng 5 tháng lương tối thiểu (riêng chị Ngô Thị T yêu cầu bồi thường 10 tháng lương cơ bản và chi phí điều trị tại bệnh viện do hư thai là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 33.000.000 đồng), bị đơn trình bày:

Thực hiện công văn số 422/UBND-NV ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc giải quyết số hợp đồng lao động là giáo viên không trúng tuyển kỳ thi tuyển viên chức giáo viên năm 2015 của tỉnh; Công văn số 122/UBND-NV ngày 17/02/2017 của UBND huyện T về việc giải quyết số hợp đồng lao động. Trước khi ra thông báo không hợp đồng lao động đối với các nguyên đơn; Ngày 04/8/2017, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức cuộc họp Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trong toàn huyện tại trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành để triển khai nội dung về việc không hợp đồng lại đối với 51 giáo viên và đề nghị Hiệu trưởng các trường về triển khai trong hội đồng sư phạm nhà trường để các giáo viên được biết và làm tốt công tác động viên tư tưởng cho các giáo viên. Ngày 09/8/2017, Phòng Giáo dục và Đào tạo và Phòng Nội vụ huyện T tổ chức mời các nguyên đơn về tại Hội trường UBND huyện để thông tin về việc không tiếp tục hợp đồng lại đồng thời lắng nghe ý kiến tâm tư, nguyện vọng của các giáo viên. Ngày 15/8/2017, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện ra Thông báo thôi hợp đồng lao động đối với các nguyên đơn, là có cơ sở, không gây tổn thất tinh thần đối với các nguyên đơn. Đối với chị T, việc bảo vệ thai nhi là trách nhiệm của người mẹ đối với đứa con của mình, việc sẩy thai không phải do lỗi của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện T. Nên không chấp nhận bồi thường.

Đối với yêu cầu Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện T chi trả đầy đủ các khoản phụ cấp đứng lớp từ năm 2011 đến nay, bị đơn trình bày:

Các nguyên đơn không thuộc diện phạm vi, đối tượng, điều kiện áp dụng theo Thông tư liên tịch số 01 ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Nội vụ-Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg

ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập. Trong thời gian ký kết hợp đồng lao động Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện thực hiện chế độ trả lương theo bằng cấp chuyên môn, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ, đảm bảo theo quy định. Nên không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn yêu cầu chi trả các khoản phụ cấp đứng lớp.

Đối với các yêu cầu Phòng Giáo dục đào tạo huyện T thực hiện nâng lương theo định kỳ; trả tiền lương từ khi chấm dứt hợp đồng lao động đến khi xét xử thì bị đơn ý kiến: Theo thỏa thuận trong hợp đồng "Thời hạn xét nâng bậc lương: bắt đầu tính từ thời gian có quyết định tuyển dụng chính thức của cấp có thẩm quyền", 12 nguyên đơn này thuộc diện hợp đồng, chưa có quyết định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Thực tế các nguyên đơn đã thôi hợp đồng lao động, không tham gia giảng dạy và không có tên trong bảng chấm công của trường, nên không có cơ sở chi trả lương. Nên bị đơn không chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện T trình bày:

Hiện nay, số lớp, số học sinh của cấp THCS, Tiểu học năm học 2017 - 2018 đều giảm, huyện T đang thừa giáo viên trong biên chế nhưng không thể chuyển đổi sang bộ môn khác, bậc học khác (thừa, thiếu cục bộ), không còn nhu cầu Hợp đồng lao động giảng dạy ở một số bộ môn; toàn bộ số hợp đồng này thuộc diện không trúng tuyển kỳ thi tuyển viên chức năm 2015 hoặc không đủ điều kiện dự thi theo quy định, bằng cấp không phù hợp với vị trí việc làm. Mặt khác, qua kiểm tra việc thu chi ngân sách nhà nước của huyện T trong năm 2015, 2016, Sở Tài chính có kết luận "Việc chi lương cho giáo viên hợp đồng (năm 2015: số tiền là 07 tỷ 571 triệu đồng, năm 2016: số tiền là 07 tỷ 325 triệu đồng) từ nguồn chi công việc của sự nghiệp giáo dục, làm ảnh hưởng đến tỷ lệ chi công việc chỉ còn 6% (năm 2015), 9% (năm 2016) là không đúng quy định và đề nghị huyện T chấm dứt việc sử dụng kinh phí chi hoạt động của sự nghiệp giáo dục để chi lương cho hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên chế". Do đó, UBND huyện không đảm bảo kinh phí để chi trả tiền lương cho số giáo viên hợp đồng nêu trên.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/LĐST ngày 19/4/2019 của TAND huyện T, tỉnh Phú Yên đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn Ngô Thị T, Nguyễn Thị Ngọc O, Tạ Thị Y, Cao Thị K, Trần Thị H, Cao Thị Phương Tr, Lê Thị H1, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Huỳnh Đức Th, Phan Đắc T2, Lương Văn C, Trần Tấn S; Buộc bị đơn Phòng Giáo dục và đào tạo huyện T phải trả cho các nguyên đơn khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày các nguyên đơn không được làm việc từ ngày 5/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 20 tháng; cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và bồi thường

cho các nguyên đơn khoản tiền tương ứng với tiền lương của các nguyên đơn trong những ngày không báo trước là 25 ngày, tổng cộng các khoản đối với từng nguyên đơn như sau:

- Các nguyên đơn Ngô Thị T, Nguyễn Thị Ngọc O, Tạ Thị Y, Cao Thị K, mỗi người số tiền là 65.134.730 đồng.

- Các nguyên đơn Trần Thị H, Cao Thị Phương Tr, Lê Thị H1, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Huỳnh Đức Th, Phan Đắc T2, Lương Văn C, Trần Tấn S, mỗi người số tiền là 72.578.500 đồng.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ Thông báo thôi hợp đồng lao động đối với các nguyên đơn; nhận các nguyên đơn vào giảng dạy và chuyển sang ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn; yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần bằng bằng 05 tháng lương tối thiểu là 6.500.000 đồng (đối với trường hợp Ngô Thị T yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần bằng 10 tháng lương tối thiểu 13.000.000 đồng) và chi trả các khoản phụ cấp đứng lớp, nâng bậc lương theo định kỳ. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngô Thị T yêu cầu bị đơn trả tiền điều trị sẩy thai tại bệnh viện Từ Dũ là 20.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 24/4/2019, 12 nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Cao Thị Phương Tr, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Cao Thị K (ông Võ An Đôn); Người bảo vệ quyền, lợi ích cùng tất cả 12 nguyên đơn bổ sung kháng cáo về trả tiền lương trong những ngày không được làm việc tính đến ngày xét xử phúc thẩm là 60 tháng, trả tiền BHXH 17%, phí công đoàn 0,5%, BHTN 1%, BHYT 3% từ khi thông báo chấm dứt đến nay là 60 tháng, tổng số tiền bị đơn phải trả cho các nguyên đơn có hệ số lương 2,34 là 323.880.000đ, các nguyên đơn có hệ số lương 2,1 là 292.355.000đ.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của tất cả 12 nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của

đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư Nguyễn Khả Th1 bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho 12 nguyên đơn vắng mặt nhưng các nguyên đơn đề nghị xét xử do có mặt luật sư Nguyễn Tường L cùng bảo vệ, UBND huyện T có văn bản đề nghị vắng mặt. Căn cứ Điều 296 BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử.

[2] Tại phiên tòa, Luật sư L, ông Đôn cùng 12 nguyên đơn thống nhất giữ nguyên kháng cáo về việc buộc bị đơn Phòng giáo dục và đào tạo huyện T hủy bỏ Thông báo thôi hợp đồng lao động ngày 15/8/2017, nhận các nguyên đơn vào giảng dạy và chuyển sang ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, bồi thường tổn thất tinh thần, khoản tiền nâng lương, phụ cấp đứng lớp; bổ sung kháng cáo về khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày các nguyên đơn không được làm việc từ ngày 05/9/2017 đến ngày xét xử phúc thẩm là 60 tháng. Xét thấy:

[2.1] Phòng Giáo dục và đào tạo huyện T ký bốn hợp đồng lao động xác định thời hạn với các nguyên đơn Ngô Thị T, Nguyễn Thị Ngọc O, Tạ Thị Y, Cao Thị K, Trần Thị H, Cao Thị Phương Tr, Lê Thị H1, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Huỳnh Đức Th, Phan Đắc T2, Lương Văn C, Trần Tấn S cụ thể như sau: (Từ 2011 – 2017: 06 năm)

Hợp đồng lần thứ 1: Hợp đồng lao động ký ngày 05/9/2011, thời hạn 01 năm từ ngày 05/9/2011 đến 04/9/2012; quyền lợi của người LĐ ghi trong hợp đồng "Giáo viên được hưởng hệ số lương, phụ cấp khu vực theo quy định; chưa được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi cho giáo viên trực tiếp đứng lớp; BHXH, HBYT, BH thất nghiệp theo chế độ hiện hành".

Hợp đồng lần thứ 2: Hợp đồng làm việc xác định thời hạn (theo nhu cầu) ký ngày 22/01/2013, thời hạn 03 năm từ ngày 05/9/2012 đến 04/9/2015; quyền lợi của người LĐ ghi trong hợp đồng "Giáo viên được hưởng các quyền quy định tại Luật viên chức; hưởng hệ số lương, phụ cấp khu vực theo quy định; chưa được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi cho GV trực tiếp đứng lớp; BHXH, HBYT, BHTN theo quy định hiện hành. Được nâng bậc lương; được hưởng trợ cấp thôi việc, được bồi thường theo quy định của pháp luật về viên chức…".

Hợp đồng lần thứ 3: Hợp đồng lao động xác định thời hạn ký ngày 01/10/2015, thời hạn 01 năm từ ngày 05/9/2015 đến ngày 04/9/2016; Hợp đồng lần thứ 4: Hợp đồng lao động xác định thời hạn ký ngày 08/9/2016, thời hạn 01 năm từ ngày 05/9/2016 đến ngày 04/9/2017.

Hợp đồng lần 3 và 4 ghi quyền lợi của người LĐ trong hợp đồng "Giáo viên được hưởng hệ số lương, phụ cấp khu vực theo quy định; BHXH, HBYT, BH thất nghiệp theo quy định hiện hành; được hưởng các khoản phúc lợi,

thưởng, bồi dưỡng chuyên môn theo quy định.

Việc bị đơn ký HĐLĐ lần thứ 3, 4 loại HĐ xác định thời hạn là không đúng quy định tại đoạn 2 khoản 2 Điều 22 BLLĐ năm 2012. Cấp sơ thẩm xác định hợp đồng lao động giữa bị đơn với các nguyên đơn ký lần thứ 3 và lần thứ 4 đều là hợp đồng lao động không xác định thời hạn là có căn cứ.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng của 12 nguyên đơn, thì 05 trường hợp Trần Thị H, Cao Thị Phương Tr, Lê Thị H1, Huỳnh Đức Th, Lương Văn C, không đủ điều kiện dự thi viên chức giáo viên; 06 trường hợp Ngô Thị T, Nguyễn Thị Ngọc O, Tạ Thị Y, Cao Thị K, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Trần Tấn S không trúng tuyển kỳ thi viên chức giáo viên năm 2015; 01 trường hợp là Phan Đắc T2, trình độ chuyên môn không phù hợp với vị trí việc làm. Phòng giáo dục và đào tạo huyện T đã căn cứ kết luận Thanh tra số 1007/KL-SNV ngày 24/12/2015 của Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên, Công văn số 422/UBND-NV ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Yên, Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc thu hồi biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo từ UBND huyện T quản lý về UBND tỉnh quản lý, Công văn số 122/UBND-NV ngày 17/02/2017 của UBND huyện T "về việc giải quyết số hợp đồng lao động là giáo viên không trúng tuyển kỳ thi tuyển viên chức giáo viên năm 2015 của tỉnh" để ban hành Thông báo ngày 15/8/2017 về chấm dứt hợp đồng lao động với các nguyên đơn kể từ ngày 04/9/2017 vì lý do nhu cầu việc làm không còn, số học sinh của cấp Trung học cơ sở, Tiểu học năm 2017-2018 đều giảm, đang thừa giáo viên trong biên chế, không còn nhu cầu hợp đồng giảng dạy ở một số bộ môn, là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động vì lý do *"Giảm chỗ làm việc"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 BLLĐ. Tuy nhiên, bị đơn đã không xây dựng phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 44, 46 BLLĐ, Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ, đồng thời chỉ báo trước cho các nguyên đơn 20 ngày là vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 BLLĐ "ít nhất 45 ngày", thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 41 BLLĐ. Do nhu cầu việc làm, các nguyên đơn vẫn muốn nhận lại giảng dạy; Hòa giải viên lao động và Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên thương lượng sửa đổi bổ sung hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 42 BLLĐ, nhưng do thừa giáo viên trong biên chế, không còn nhu cầu hợp đồng ở một số môn, Phòng Giáo dục và đào tạo huyện T không nhận lại các nguyên đơn làm việc. Cấp sơ thẩm buộc Phòng Giáo dục và đào tạo huyện T thực hiện nghĩa vụ do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 42 BLLĐ là có căn cứ.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư L cho rằng Phòng giáo dục và đào tạo huyện T thông báo thôi hợp đồng lao động đối với các giáo viên là trái pháp

luật như bản án sơ thẩm đã nhận định, các nguyên đơn đảm bảo điều kiện để tuyển dụng đặc cách, đồng thời các nguyên đơn cũng cho rằng họ đang kiện yêu cầu hủy thông báo thôi hợp đồng để nhận lại làm việc nên không nộp đơn thi tuyển viên chức theo các thông báo tuyển dụng của UBND huyện T sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn Lương Văn C cung cấp Kế hoạch và Thông báo tuyển dụng viên chức huyện Tây Hòa năm học 2022 – 2023 để chứng minh huyện T có nhu cầu tuyển dụng giáo viên, các nguyên đơn Trần Thị H, Lê Thị H1 cho rằng thời điểm trước khi nhận được thông báo thôi việc, các giáo viên đã có nguyện vọng được chuyển sang bất cứ công việc nào để chờ đủ điều kiện thi tuyển viên chức. HĐXX xét thấy, trên thực tế số biên chế giáo viên ở bậc Tiểu học và Trung học cơ sở thừa hàng năm (theo kết luận của thanh tra: năm 2011 thừa 67 biên chế, năm 2015 thừa 130 biên chế), theo Quyết định số 1107 ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc thu hồi biên chế sự nghiệp Giáo dục đào tạo từ UBND huyện T về UBND tỉnh quản lý, đã thu hồi 100 biên chế thừa theo Kết luận Thanh tra số 1007 ngày 24/12/2015 của Sở Nội vụ, thể hiện số biên chế cấp học thừa hàng năm. UBND huyện và Phòng Giáo dục và đào tạo huyện T xác định môn học các nguyên đơn giảng dạy thừa giáo viên trong biên chế, không còn nhu cầu vị trí việc làm để tiếp tục hợp đồng lao động. Thời điểm xét xử sơ thẩm, giáo viên môn tin học ở T thiếu, tuy nhiên đối với nguyên đơn Lương Văn C, Phan Đắc T2, Cao Thị K, Tạ Thị Y không đảm bảo điều kiện về bằng cấp để được tiếp tục hợp đồng, bộ môn Văn, Địa lý, công nghệ, sử, thể dục đến thời điểm xét xử sơ thẩm không thiếu. Các nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ Thông báo thôi hợp đồng lao động, nhận các nguyên đơn vào giảng dạy, chuyển sang ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, là không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm căn cứ khoản 4, 5 Điều 42 BLLĐ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Phòng Giáo dục và đào tạo huyện T phải trả cho các nguyên đơn khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày các nguyên đơn không được làm việc từ ngày 5/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 20 tháng; cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, bồi thường cho các nguyên đơn khoản tiền tương ứng với tiền lương của các nguyên đơn trong những ngày không báo trước là 25 ngày là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu buộc bị đơn chi trả đầy đủ khoản phụ cấp đứng lớp, nâng lương định kỳ từ năm 2011 đến 2017: HĐXX xét thấy: các nguyên đơn đều là giáo viên hợp đồng, chưa được vào biên chế chính thức, không phải là viên chức nên không được xếp mã ngạch, không được ngân sách cấp kinh phí để chi trả lương, nguồn kinh phí chi trả lương cho các nguyên đơn bằng nguồn chi khác của sự nghiệp giáo dục. Vì vậy, các nguyên đơn không thuộc diện phạm vi, đối tượng, điều kiện áp dụng Nghị định số 204 ngày 14/12/2004 của Chính Phủ về chế độ tiền lương đối với CBCC, viên chức và LLVT, Thông tư liên tịch số

01/2006 ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244 ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập. Do đó kháng cáo của các nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của các nguyên đơn về việc bị đơn phải bồi thường tổn thất tinh thần bằng 5 tháng lương tối thiểu (riêng chị Ngô Thị T yêu cầu bằng 10 tháng lương cơ bản và chi phí điều trị tại bệnh viện do hư thai là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 33.000.000 đồng): Cấp sơ thẩm xác định bị đơn đã có các cuộc họp thông tin cho các nguyên đơn về việc không hợp đồng lại, căn cứ chấm dứt hợp đồng là không còn nhu cầu vị trí việc làm, chứ không phải vì lý do lao động nữ mang thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi, bị đơn không vi phạm khoản 3 Điều 39 và khoản 5 Điều 155 BLLĐ, không gây tổn thất tinh thần cho các nguyên đơn nên không chấp nhận yêu cầu bị đơn bồi thường tổn thất tinh thần là có căn cứ pháp luật. Đối với nguyên đơn Ngô Thị T yêu cầu bồi thường thêm chi phí điều trị do hư thai 10 tháng lương tối thiểu**,** thấy rằng bà T có nhập viện điều trị tại Bệnh viện Từ Dũ, TP Hồ Chí Minh thời gian 6 ngày (từ 17/8 đến 22/8/2018, với chẩn đoán theo dõi thai ngoài tử cung phải. Việc điều trị của chị T là do xuất phát từ bệnh lý, bị đơn thông báo thôi hợp đồng không thể là nguyên nhân dẫn đến chị T mang thai ngoài tử cung. Do đó, kháng cáo của các nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về chính sách của nhà nước đối với các trường hợp giáo viên bị thôi hợp đồng mà các nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm xem xét. HĐXX xét thấy: Căn cứ Công văn số 5378/BNV-CCVC ngày 05/11/2019 của Bộ nội vụ có về việc tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước: "*đối tượng được xem xét tuyển dụng đặc cách là giáo viên đang làm hợp đồng lao động theo vị trí việc làm giảng dạy tại cơ sở giáo dục công lập, đã có thời gian ký hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội làm công việc giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn trước ngày 31/12/2015, trong chỉ tiêu biên chế, có năng lực, trình độ phù hợp với yêu cầu của vị trí cần tuyển dụng*". Giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, UBND tỉnh Phú Yên có Công văn số 6128/UBND-NC ngày 02/12/2019 "V/v tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ 2015 trở về trước" với nội dung "Căn cứ Công văn số 5378/BNV-CCCV ngày 05/11/2019 của Bội nội vụ …thì các trường hợp giáo viên đã bị chấm dứt hợp đồng lao động tại huyện T chưa đảm bảo điều kiện về đối tượng được xem xét tuyển dụng đặc cách theo quy định. Để đảm bảo quyền lợi của các giáo viên, UBND tỉnh đang xem xét có văn bản kiến nghị Bộ nội vụ cho phép được mở rộng đối tượng tuyển

dụng đặc cách là giáo viên …., sau khi được Bộ nội vụ hướng dẫn, đồng ý mở rộng đối tượng xem xét tuyển dụng đặc cách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo rà soát, xem xét từng đối tượng…". Ngày 19/5/2020, UBND tỉnh Phú Yên có Công văn số 2565/UBND-NC có nội dung "UBND tỉnh có Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 20/4/2020 trình Thủ tướng xin ý kiến chỉ đạo. Ngày 23/4/2020, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 3232/VPCP-TCCV chuyển đến Bộ nội vụ cho ý kiến, UBND tỉnh đang chờ ý kiến hướng dẫn của Bộ nội vụ, sẽ có văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án". Ngày 10/6/2022, Sở nội vụ tỉnh Phú Yên có Công văn số 708/SNV-TCCCVC có nội dung "Căn cứ Công văn 5378/BNV-CCVC ngày 05/11/2019. UBND tỉnh có Công văn 6124/UBND-NC ngày 02/12/2019 đề nghị Bộ nội vụ xem xét cho phép được mở rộng đối tượng tuyển dụng đặc cách giáo viên. Tuy nhiên, đến nay, ngoài Công văn 5378/BNV-CCVC ngày 05/11/2019 thì Bộ nội vụ không có văn bản hướng dẫn nào khác về tuyển dụng đặc cách giáo viên". Như vậy, trong vụ án này các nguyên đơn đã chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 05/9/2017; lý do Phòng giáo dục và đào tạo huyện T thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với các nguyên đơn vì: xác định môn học các giáo viên giảng dạy thừa giáo viên trong biên chế, không còn nhu cầu vị trí việc làm để tiếp tục hợp đồng lao động; đồng thời trong 12 nguyên đơn thì có 05 trường hợp hợp, Phương Tr, H1, Th, C không đủ điều kiện dự thi viên chức giáo viên; 06 trường hợp T, O, Y, K, Quỳnh Tr1, S không trúng tuyển kỳ thi viên chức giáo viên năm 2015, 01 trường hợp T2 trình độ chuyên môn không phù hợp với vị trí việc làm. Do đó, các nguyên đơn chưa đảm bảo điều kiện về đối tượng được xem xét tuyển dụng đặc cách theo quy định.

[6] Các nguyên đơn đã làm việc thường xuyên với thời gian 6 năm, bị đơn đã đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế đầy đủ và hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho các nguyên đơn theo đúng quy định tại Điều 47 BLLĐ; Bảo hiểm xã hội huyện T đã chi trả trợ cấp mất việc làm cho các nguyên đơn. Cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này là có căn cứ.

[7] Từ những nhận định trên, HĐXX phúc thẩm xét kháng cáo của các nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 12, 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Miễn án phí cho các nguyên đơn; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn Ngô Thị T, Nguyễn Thị Ngọc O, Tạ Thị Y, Cao Thị K, Trần Thị H, Cao Thị Phương Tr, Lê Thị H1, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Huỳnh Đức Th, Phan Đắc T2, Lương Văn C, Trần Tấn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 38, Điều 41, Khoản 4, Khoản 5 Điều 42 Bộ luật Lao động; Điểm a khoản 1 mục I và điểm a khoản 2 mục I Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Nội vụ-Bộ Tài chính; Điều 1 của Quyết định số 244/2005/QĐ-TTG ngày 6/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 11/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 hướng dẫn chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn Ngô Thị T, Nguyễn Thị Ngọc O, Tạ Thị Y, Cao Thị K, Trần Thị H, Cao Thị Phương Tr, Lê Thị H1, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Huỳnh Đức Th, Phan Đắc T2, Lương Văn C, Trần Tấn S; Buộc bị đơn Phòng Giáo dục và đào tạo huyện T phải trả cho các nguyên đơn khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày các nguyên đơn không được làm việc từ ngày 5/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 20 tháng; cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và bồi thường cho các nguyên đơn khoản tiền tương ứng với tiền lương của các nguyên đơn trong những ngày không báo trước là 25 ngày, tổng cộng các khoản đối với từng nguyên đơn như sau:

- Các nguyên đơn Ngô Thị T, Nguyễn Thị Ngọc O, Tạ Thị Y, Cao Thị K, mỗi người số tiền là 65.134.730 đồng.

- Các nguyên đơn Trần Thị H, Cao Thị Phương Tr, Lê Thị H1, Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr1, Huỳnh Đức Th, Phan Đắc T2, Lương Văn C, Trần Tấn S, mỗi người số tiền là 72.578.500 đồng.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ Thông báo thôi hợp đồng lao động đối với các nguyên đơn; nhận các nguyên đơn vào giảng dạy và chuyển sang ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn; yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần bằng bằng 05 tháng lương tối thiểu là 6.500.000 đồng (đối với trường hợp Ngô Thị T yêu cầu bồi thường tổn

thất tinh thần bằng 10 tháng lương tối thiểu 13.000.000 đồng) và chi trả các khoản phụ cấp đứng lớp, nâng bậc lương theo định kỳ. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngô Thị T yêu cầu bị đơn trả tiền điều trị sẩy thai tại bệnh viện Từ Dũ là 20.000.000 đồng.

3. Về án phí: Miễn án phí cho các nguyên đơn; Bị đơn Phòng Giáo dục và đào tạo huyện T phải chịu 20.823.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Hà